

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-HĐND-VHXX

Bình Phước, ngày

tháng 10 năm 2022

**BÁO CÁO THẨM TRA**

**Các dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 7 (chuyên đề)**  
**Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội**

Thực hiện Công văn số 313/HĐND ngày 05/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công thẩm tra dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X; Công văn số 372/HĐND ngày 11/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi xem xét các Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất ý kiến thẩm tra như sau:

**I. Đối với dự thảo Nghị quyết đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long (đợt 2)**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: "...đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, đường phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Điều 16 Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng: "Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng".

Ngày 19/7/2017, tại kỳ họp thứ 4, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐND về việc đặt tên (đợt 1) cho 62 tuyến đường thuộc các phường, xã trên địa bàn thị xã Phước Long. Qua quá trình xây dựng và phát triển, hiện nay trên địa bàn thị xã Phước Long còn một số tuyến đường được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định nhưng chưa được đặt tên.

Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long là cần thiết, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Với việc ban hành Nghị quyết này sẽ giúp Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo thuận lợi cho nhân dân, các cơ quan và tổ chức kinh tế - xã hội trong hoạt động giao dịch; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc cho nhân dân trên địa bàn thị xã Phước Long.

**2. Về dự thảo Nghị quyết và danh mục tên đường**

Nội dung dự thảo Nghị quyết đã căn cứ vào những quy định của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 91); Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ; Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Có 80 tuyến đường đang sử dụng ổn định được đặt tên mới, thuộc tất cả các xã, phường trên địa bàn thị xã Phước Long, đã phù hợp quy định tại Điều 4 của Quy chế kèm theo Nghị định 91: “Tất cả các đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên”.

Tên dùng để đặt tên cho các tuyến đường: Gồm 80 tên danh nhân trong nước. Việc chọn tên của các danh nhân để đặt cho các tuyến đường đã cơ bản phù hợp nguyên tắc quy định tại Điều 6, 7, 9, 10 của Quy chế kèm theo Nghị định 91, quy định tại Nghị quyết số 28 và cơ bản đảm bảo sự tương xứng giữa vị trí, cấp độ, quy mô của các tuyến đường với công lao của các danh nhân được chọn đặt tên đường.

Tuy nhiên, Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

- Danh mục tên dùng để đặt tên cho 80 tuyến đường là tên của 80 danh nhân tiêu biểu, không dùng tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hoá của đất nước hoặc địa phương, danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội, tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu, tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương (đợt 1 đã sử dụng 53 tên danh nhân, 09 tên danh từ, địa danh tiêu biểu và phong trào cách mạng).

- Để việc đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long (đợt 2) mang ý nghĩa giáo dục cao hơn về truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và phù hợp với quy định tại Điều 7 Quy chế kèm theo Nghị định 91: “...cần ưu tiên lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, danh nhân tiêu biểu của địa phương mình để đặt tên đường, phố và công trình công cộng”; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung.

- Theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tên danh nhân Trần Phú dùng để đặt tên cho tuyến đường có quy mô cấp độ I. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết đã sử dụng để đặt tên cho tuyến đường cấp III, có lộ giới 19 mét tại phường Long Thủy. Việc đặt tên này chưa phù hợp giữa vị trí, cấp độ, quy mô của đường với công lao của danh nhân được quy định tại Điều 9 của Quy chế kèm theo Nghị định 91. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung.

- Tại Điều 2: Bổ sung từ “việc” vào trước từ “thực hiện”.
- Phần “Nơi nhận”: Bổ sung “Cục KTVB” vào sau “Bộ Tư pháp”, bổ sung từ “các” vào trước “Ban HĐND tỉnh”, thay từ “các Phòng” thành “Phòng Công tác Hội đồng nhân dân”.
- Về Danh mục tên đường ban hành kèm theo Nghị quyết:
  - + Thay từ “Mạc Đăng Dung” dùng để đặt tên cho 01 tuyến đường thuộc xã Phước Tín thành “Mạc Đăng Dung”.
  - + Bỏ cột ghi chú trong phần phụ lục.

### **3. Kiến nghị xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết**

Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa, Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua Nghị quyết.

**II. Đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước**

#### **1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền: “Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 quy định: “Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này: “Việc xác định mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) do cấp có thẩm quyền của địa phương quy định nhưng không vượt mức giá tối đa khung giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại cột 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này”.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Việc quy định danh mục dịch vụ chi tiết sẽ tạo điều kiện thuận lợi khi áp dụng. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 trong dự thảo Nghị quyết quy định bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) áp dụng cho từng danh mục dịch vụ là mức giá tối đa đã phù hợp với quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất danh mục và mức giá quy định tại dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau đây:

- Tên dự thảo của Nghị quyết: Bổ sung cụm từ “chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng” vào tên của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế; thay cụm từ “thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước” thành “trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, đồng thời điều chỉnh những cụm từ này ở những nội dung liên quan sau đó trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết.

- Về nội dung tại khoản 1 Điều 1: Bổ trí thành các điểm để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn”.

Theo đó, điểm thứ nhất sẽ quy định về phạm vi áp dụng. Tại điểm này bổ sung quy định: “mức giá xét nghiệm bao gồm việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng). Điểm thứ hai sẽ quy định những đối tượng mà Nghị quyết không điều chỉnh được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Về nội dung tại khoản 2 Điều 1: Bổ trí thành các điểm để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Điều 2: Thay thế cụm từ: “(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)” thành “được quy định tại Phụ lục kèm theo”.

- Về phụ lục: Bổ sung tên gọi của Phụ lục.

### **3. Kiến nghị xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết**

Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa, Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua Nghị quyết.

### **III. Đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối**

**với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025**

### **1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Hiện nay, toàn tỉnh có 20.007 đối tượng bảo trợ xã hội; trong đó có 349 đối tượng thuộc 307 hộ nghèo không có khả năng lao động được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng với mức là 360.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước áp dụng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Mức chuẩn này rất thấp so với quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn 1.500.000 đồng/hộ/tháng và mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị là 2.000.000 đồng/hộ/tháng. Do mức trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mang tính bình quân (các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo và hộ khá giả đều nhận mức hỗ trợ như nhau) nên các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động có mức sống rất thấp, đời sống vô cùng khó khăn vì ngoài khoản trợ cấp xã hội, hầu như họ không có khoản thu nhập ổn định nào khác do bản thân và các thành viên không có khả năng lao động.

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: “Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

- Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

Thực hiện Kết luận số 350-KL/TU ngày 17/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về việc thuận chủ trương giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025 là cần thiết, đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

Quá trình xây dựng Nghị quyết đã lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn

vi, địa phương liên quan, lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Về đối tượng thụ hưởng phù hợp với các quy định trong văn bản của các cơ quan Trung ương và tình hình thực tế địa phương. Trên cơ sở khái toán kinh phí thực hiện, nhận thấy các quy định về mức chi của Nghị quyết là phù hợp với quy định và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung tên gọi Điều 4 là "Tổ chức thực hiện" để phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### 3. Kiến nghị xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết

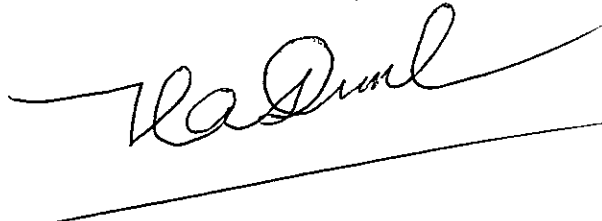
Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa, Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về các dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI HĐND TỈNH**  
**TRƯỞNG BAN** *Phúc*

**Nơi nhận:**

- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Lãnh đạo Ban và các ủy viên Ban VH - XH HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.



**Hà Anh Dũng**